

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thông qua phương án kiến nghị đơn giản hóa
thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền
quản lý của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 7253/TTr-SYT ngày 30 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án kiến nghị đơn giản hóa đối với 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Y tế dự thảo Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo Phương án kiến nghị đơn giản hóa đã được thông qua tại Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt gửi Bộ Y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN KIẾN NGHỊ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
CỦA SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: THỰC HIỆN, ĐIỀU CHỈNH, THÔI
HƯỞNG TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI (1.014027)

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Thời hạn giải quyết: Cắt giảm từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP là 10 ngày làm việc. Tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho công dân và tiết kiệm thời gian giải quyết TTHC trong điều kiện có thể khai thác dữ liệu điện tử và xác thực thông tin qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kiến nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc.

1.2. Mẫu đơn số 01 “Văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội”

- Bỏ phần ký xác nhận của người tiếp nhận hồ sơ.

Lý do: Người tiếp nhận hồ sơ sẽ xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC mà không cần xác nhận vào Tờ khai.

- Tại mục I bỏ thông tin về ngày, tháng, năm sinh, giới tính, dân tộc; nơi cư trú; địa chỉ liên lạc; tại Mục II bỏ thông tin về ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ liên hệ.

Lý do: Các thông tin cá nhân này được tra cứu và xác thực trên VNeID và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nên chỉ cần khai báo thông tin Thẻ Căn cước hoặc Số định danh cá nhân.

- Xây dựng bổ sung tờ khai điện tử; bổ sung thông tin số tài khoản ngân hàng của đối tượng/người đại diện để thực hiện chi trả hỗ trợ theo phương thức thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt.

Lý do: Xây dựng biểu mẫu tờ khai điện tử giúp tiết kiệm thời gian khai báo của công dân khi nộp hồ sơ trực tuyến do một số trường thông tin đã được điền tự động do xác thực từ VNeID.

2. Kiến nghị thực thi

2.1. Kiến nghị sửa đổi khoản 1 Điều 4 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội, như sau:

“a) Người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội chuẩn bị 01 bộ hồ sơ gồm văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị

định này gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến đến Bộ phận Một cửa các cấp;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, thực hiện xác thực và chuẩn hoá thông tin liên quan của người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, quyết định và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội cho người đề nghị theo quy định pháp luật. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng tính từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định;

Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do”.

2.2. Kiến nghị sửa đổi mẫu số 01 “Văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội” tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP như sau:

- Bỏ phần ký xác nhận của người tiếp nhận.
- Tại Mục I. Thông tin người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội bỏ thông tin: ngày, tháng, năm sinh, giới tính, dân tộc; nơi cư trú; địa chỉ liên lạc.
- Tại Mục II. Thông tin người giám hộ, người được ủy quyền (nếu có) bỏ thông tin: ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ liên hệ.
- Bổ sung thông tin số tài khoản ngân hàng của đối tượng/đại diện để thực hiện chi trả hỗ trợ theo phương thức thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt.
- Bổ sung biểu mẫu tờ khai điện tử.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 43,34%.
- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.051.330.000 đồng/năm.
- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 595.665.000 đồng/năm.
- Tổng chi phí tiết kiệm: 455.665.000 đồng/năm.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG CHO ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI (1.001731)

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Thành phần hồ sơ:

- Bỏ bản sao chứng tử.

Lý do: Bỏ bản sao Giấy chứng tử trong thành phần hồ sơ do UBND cấp xã đã lưu trữ, quản lý thông tin khai tử của công dân và có thể tra cứu trên Phần mềm Hộ tịch điện tử.

- Bỏ bản sao quyết định hoặc danh sách thôi hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp khác của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Lý do: UBND cấp xã trước kia đã giải quyết thủ tục này nên có thể tra cứu trong hồ sơ lưu trữ và có thể tra cứu trên Phần mềm Bảo trợ xã hội điện tử.

1.2. Mẫu tờ khai số 04 “Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng”

- Bỏ phần xác nhận của UBND cấp xã và cán bộ tiếp nhận hồ sơ.

Lý do: Người tiếp nhận hồ sơ sẽ xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC mà không cần xác nhận vào Tờ khai.

- Tại Mục I. Thông tin người chết được mai táng bỏ thông tin: ngày, tháng, năm sinh, giới tính, dân tộc; hộ khẩu thường trú; ngày, tháng, năm chết; bổ sung thông tin Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân của người chết.

- Tại Mục II. Thông tin cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết bỏ thông tin: ngày, tháng, năm sinh; hộ khẩu thường trú, nơi ở; sửa đổi thông tin Giấy CMND bằng thông tin Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân. Bổ sung thông tin số tài khoản ngân hàng của đối tượng/đại diện để thực hiện chi trả hỗ trợ theo phương thức thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt.

Lý do: Các thông tin cá nhân này được tra cứu và xác thực trên VNeID và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nên chỉ cần khai báo thông tin Thẻ Căn cước hoặc Số định danh cá nhân. Đồng thời, bổ sung thông tin số tài khoản ngân hàng của đối tượng/người đại diện để thực hiện chi trả hỗ trợ theo phương thức thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt.

- Xây dựng bổ sung tờ khai điện tử.

Lý do: Xây dựng biểu mẫu tờ khai điện tử giúp tiết kiệm thời gian khai báo của công dân khi nộp hồ sơ trực tuyến do một số trường thông tin đã được điền tự động do xác thực từ VNeID.

2. Kiến nghị thực thi

2.1. Kiến nghị bỏ điểm b, c khoản 3 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2.2. Kiến nghị sửa đổi mẫu số 04 “Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng” tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP như sau:

- Bỏ phần xác nhận của UBND cấp xã và cán bộ tiếp nhận hồ sơ.

- Tại Mục I. Thông tin người chết được mai táng bỏ thông tin: ngày, tháng, năm sinh, giới tính, dân tộc; hộ khẩu thường trú; ngày, tháng, năm chết; bổ sung thông tin Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân.

- Tại Mục II. Thông tin cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết bỏ thông tin: ngày, tháng, năm sinh; hộ khẩu thường trú; nơi

ở; sửa đổi thông tin Giấy CMND bằng thông tin Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân.

- Bổ sung thông tin số tài khoản ngân hàng của đối tượng/đại diện để thực hiện chi trả hỗ trợ theo phương thức thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt.

- Bổ sung tờ khai điện tử.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 69,73%.

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.705.567.688 đồng/năm.

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 516.322.422 đồng/năm.

- Tổng chi phí tiết kiệm: 1.189.245.266 đồng/năm./.